

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS*

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Công ty Cổ phần xi măng FICO Tây Ninh**
Laboratory: **FICO Tay Ninh Cement Joint Stock Company**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần xi măng FICO Tây Ninh**
Organization: **FICO Tay Ninh Cement Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 270**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Vật liệu xây dựng**
Civil - Engineering

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Thị Thanh Dung**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031.**

Địa chỉ:
Address: **số 433, đại lộ 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh**
No. 433, Avenue 30/4, Tan Ninh ward, Tay Ninh province

Địa điểm:
Location: **1. Ấp Cây Cây, xã Tân Hòa, tỉnh Tây Ninh**
2. Ấp 1, xã Thường Tân, TP Hồ Chí Minh
3. Lô A5b, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP Hồ Chí Minh
1. Cay Cay hamlet, Tan Hoa commune, Tay Ninh province
2. Hamlet 1, Thuong Tan commune, Ho Chi Minh city
3. Lot A5b, Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc commune, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: **0919495969**

Website: **www.fico-ytl.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 270****Địa điểm 1: Ấp Cây Cày, xã Tân Hòa, tỉnh Tây Ninh***Location 1: Cay Cay hamlet, Tan Hoa commune, Tay Ninh province***Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng***Field of testing: Civil - Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Xi măng, Cianhke Cement, Clinker	Xác định độ mịn Phương pháp sàng 0,045 mm <i>Determination of fineness Retained on sieve 0.045 mm</i>	(0,01 ~ 10) %	TCVN 13605:2023
2.		Xác định độ mịn Bề mặt riêng <i>Determination of fineness Specific surface area</i>	(2 800 ~ 6 500) cm ² /g	TCVN 13605:2023
3.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of water for normal consistency</i>	(20 ~ 40) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
4.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	50 min ~ 4 h	
5.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0 ~ 5) mm	
6.		Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 70) MPa	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)
7.		Than đá Coal	Xác định giá trị tỏa nhiệt toàn phần bằng phương pháp bom đo nhiệt lượng <i>Determination of gross calorific value by the bomb calorimetric method</i>	(4 000 ~ 12 000) kCal/kg

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 270****Địa điểm 2: Ấp 1, xã Thường Tân, TP Hồ Chí Minh****Location 2: Hamlet 1, Thuong Tan commune, Ho Chi Minh city****Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng***Field of testing: Civil - Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Xi măng Cement	Xác định độ mịn Phương pháp sàng 0,045 mm <i>Determination of fineness Retained on sieve 0.045 mm</i>	(0,01 ~ 10) %	TCVN 13605:2023
2.		Xác định độ mịn Bề mặt riêng <i>Determination of fineness Specific surface area</i>	(2 800 ~ 6 500) cm ² /g	TCVN 13605:2023
3.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of water for normal consistency</i>	(20 ~ 40) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
4.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	50 min ~ 4 h	
5.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0 ~ 5) mm	
6.		Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 70) MPa	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 270****Địa điểm 3: Lô A5b, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP Hồ Chí Minh****Location 3: Lot A5b, Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc commune, Ho Chi Minh city****Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng***Field of testing: Civil - Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Xi măng, Clinker Cement, Clinker	Xác định độ mịn Phương pháp sàng 0,045 mm <i>Determination of fineness Retained on sieve 0.045 mm</i>	(0,01 ~ 10) %	TCVN 13605:2023
2.		Xác định độ mịn Bề mặt riêng <i>Determination of fineness Specific surface area</i>	(2 800 ~ 6 500) cm ² /g	TCVN 13605:2023
3.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of water for normal consistency</i>	(20 ~ 40) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
4.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	50 min ~ 4 h	
5.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0 ~ 5) mm	
6.		Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 70) MPa	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnamese National Standard*;

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*.

Trường hợp Công ty Cổ phần xi măng FICO Tây Ninh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần xi măng FICO Tây Ninh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for FICO Tay Ninh Cement Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*